

UBND XÃ THỐNG NHẤT

Biểu số 113/CK TC- NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022
(Kèm theo báo cáo số: 84/BC-UBND xã ngày 30 Tháng 9 năm 2022)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	8,040,500,000	11,587,178,720	144.11
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	55,000,000	245,288,086	445.98
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2,517,000,000	3,476,910,073	138.14
3	Thu bổ sung	5,468,500,000	7,676,300,000	140.37
	- Bổ sung cân đối	3,301,400,000	3,040,000,000	92.08
	- Bổ sung có mục tiêu	2,167,100,000	4,636,300,000	
4	Thu chuyển nguồn		187,457,473	
5	Thu kết dư ngân sách		1,223,088	
II	TỔNG SỐ CHI	8,040,500,000	9,491,917,280	118.05
1	Chi đầu tư phát triển	3,094,221,000	5,930,860,000	191.68
2	Chi thường xuyên	4,946,279,000	3,561,057,280	71.99
3	Dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(kèm theo báo cáo số: 84/BC-UBND ngày 30tháng 9 năm 2022)

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN	SO SÁNH (% TH/DT)	
		HUYỆN GIAO	HĐND XÃ GIAO		TH/DTH	TH/DT HĐNDXÃ
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	5,640,500,000	8,040,500,000	11,587,178,720	205.43	144.11
I	Các khoản thu 100%	55,000,000	55,000,000	245,288,086	445.98	445.98
1	Phí và lệ phí	15,000,000	15,000,000	18,929,000	126.19	126.19
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	20,000,000	20,000,000	50,500,000	252.50	252.50
3	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			900,000		
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định			104,608,000		
5	Thu khác	20,000,000	20,000,000	70,351,086	351.76	351.76
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	117,000,000	2,517,000,000	3,476,910,073	2,971.72	2971.72
1	Thuế thu nhập cá nhân	16,000,000	16,000,000	50,693,048	316.83	316.83
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8,000,000	8,000,000	-	-	0.00
3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	13,000,000	13,000,000	10,800,000	83.08	83.08
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	40,000,000	40,000,000	44,710,998	111.78	111.78
5	Thu tiền sử dụng đất	-	2,400,000,000	3,346,573,375		139.44
6	Thuế giá trị gia tăng	40,000,000	40,000,000	24,132,652	60.33	60.33
IV	Thu chuyển nguồn		-	187,457,473		
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước			1,223,088		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,468,500,000	5,468,500,000	7,676,300,000	140.37	140.37

1	Bổ sung cân đối	3,301,400,000	3,301,400,000	3,040,000,000	92.08	92.08
2	Bổ sung có mục tiêu	2,167,100,000	2,167,100,000	4,636,300,000	213.94	213.94

(Kèm theo báo cáo số: 84/BC-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022)

Đơn vị tính: Đồng

[illegible]

[illegible]